TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Trang Phượng;

Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Hoài T, sinh năm 1992 (có đơn vắng mặt).
- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1992 (có đơn vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 01 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Hoài T trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2011, sau thời gian tìm hiểu thì anh và chị T đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến ngày 14/01/2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

*Lý do xin ly hôn:*Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi và không tìm được tiếng nói chung. Anh và chị T cũng đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân. Gia đình, thân tộc hai bên cũng tổ chức hàn

gắn hôn nhân cho vợ chồng nhưng không kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên anh T yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 17/8/2012 (Nam). Anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 31 tháng 01 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Thùy T trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân đúng như lời trình bày của anh T, sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh T đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 14/01/2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Do trong cuộc sống chị và anh T mâu thuẫn, bất đồng về mọi mặt nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay. Thời gian sống ly thân chị và anh T không tìm được cách giải quyết mâu thuẫn. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 17/8/2012 (Nam). Chị đồng ý giao con cho anh T trực tiếp nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh T và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng

Anh Trần Hoài T yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Thùy T, yêu cầu được nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Anh T và chị T đều nộp đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu Tòa án tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T và chị T.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân:Anh T và chị T sau thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2011; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 14/01/2013, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2013. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh T và chị T được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Anh T yêu cầu ly hôn do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, sau khi tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, đến đầu năm 2013 mới đăng ký kết hôn thì trong năm 2013 vợ chồng cũng sống ly thân cho đến nay. Chị T có văn bản gửi cho Tòa án xác nhận đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân thời gian 08 năm và không giải quyết được mâu thuẫn nên anh T yêu cầu ly hôn và chị T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa anh T và chị T đã đến mức trầm trọng, bởi lẽ vợ chồng đã sống ly thân ngay sau khi đăng ký kết hôn vào năm 2013 và cho đến nay vẫn duy trì tình trạng ly thân, không có cách giải quyết mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Hoài T đối với chị Trần Thị Thùy T theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 17/8/2012 (Nam). Anh T yêu cầu nuôi con, chị T đồng ý và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Gia L muốn sống với anh T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Gia L cho anh T trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, công nợ:Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết,căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự*"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch anh T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều147,220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Hoài T với chị Trần Thị Thùy T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Gia L, sinh ngày 17/8/2012 cho anh Trần Hoài T trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ:Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trần Hoài T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, anh T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007028 ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND thị trấn Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Khánh